

Số: 42/TT-DLS&TTT

Cà Mau, ngày 28 tháng 10 năm 2025

TỜ TRÌNH

(V/v phê duyệt nội dung bảng danh mục thời điểm dùng thuốc 2025)

Kính gửi: Ban giám đốc Bệnh viện đa khoa Cà Mau

Căn cứ Quyết định số 6858/QĐ-BYT ngày 18 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành “Bộ tiêu chí chất lượng bệnh viện Việt Nam”;

Căn cứ thông tư 22/2011/TT-BYT ngày 10 tháng 06 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ y tế về việc “Quy định tổ chức và hoạt động của khoa Dược bệnh viện”;

Căn cứ nghị định số 131/2020/NĐ-CP ngày 2 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ về việc quy định về tổ chức, hoạt động dược lâm sàng của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Để hoàn thành tốt nhiệm vụ Dược lâm sàng & Thông tin thuốc theo quy định, việc phát hành “Bảng thời điểm dùng thuốc” nhằm giúp cho việc cung cấp thông tin sử dụng thuốc hợp lý, an toàn và hiệu quả cho các cán bộ y tế góp phần nâng cao chất lượng khám chữa bệnh.

Nay bộ phận Dược lâm sàng & Thông tin thuốc, khoa Dược – Bệnh viện đa khoa Cà Mau kính trình đến Ban Giám đốc, xét duyệt về nội dung phát hành tài liệu: **Bảng Danh mục thời điểm dùng thuốc 2025 (có bản đính kèm)**

Nhằm để bộ phận Dược lâm sàng & Thông tin thuốc nói riêng và Khoa Dược nói chung hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, rất mong Ban Giám đốc quan tâm, xem xét và giải quyết.

Trân trọng kính chào!



BAN GIÁM ĐỐC

Trần Hoán Toàn

TRƯỞNG KHOA DƯỢC

DS. *Đ. Minh Trường*

BP. DLS & TTT

DS. *Nguyễn Kiều Phương*

THỜI ĐIỂM DÙNG THUỐC SO VỚI BỮA ĂN

Ds. Nguyễn Kiều Phụng
Ds. Trần Thị Đan Thanh

TT	HOẠT CHẤT	BIỆT DƯỢC	NỒNG ĐỘ-HÀM LƯỢNG	DẠNG BẢO CHẾ	THỜI ĐIỂM DÙNG THUỐC				CHÚ Ý
					Trước khi ăn	Trong khi ăn	Sau khi ăn	Không phụ thuộc bữa ăn	
THUỐC GIẢM ĐAU, HẠ SỐT, KHÁNG VIÊM KHÔNG STEROID									
1	Aescin	Escin	200 mg	Viên nén bao tan trong ruột			X		Nên uống sau bữa ăn với nhiều nước [2]
2	Celecoxib	Conoges	200mg	Viên nang			X		[2]
3	Meloxicam	Coxnis	7,5mg	Viên nén				X	Uống vào lúc no hoặc bất cứ lúc nào [1]
4	Paracetamol	Hapaçol	500mg	Viên nén				X	[2]
THUỐC ĐIỀU TRỊ GÚT									
5	Allopurinol	Darinol 300	300mg	Viên nén			X		[1]

TT	HOẠT CHẤT	BIỆT DƯỢC	NỒNG ĐỘ-HÀM LƯỢNG	DẠNG BẢO CHẾ	THỜI ĐIỂM DÙNG THUỐC				CHÚ Ý
					Trước khi ăn	Trong khi ăn	Sau khi ăn	Không phụ thuộc bữa ăn	
THUỐC ĐIỀU TRỊ TĂNG HUYẾT ÁP									
6	Amlodipin	Tipharmlor	5mg	Viên nang cứng				X	[1]
7	Bisoprolol	Concor Cor	2.5mg	Viên nén bao phim				X	[2]
8	Bisoprolol	SaviProlol 2,5	2.5mg	Viên nén bao phim				X	[1], [2]
9	Bisoprolol	Bisoprolol	5mg	Viên nén bao phim				X	[1], [2]
10	Captopril	Captopril Stella 25mg	25mg	Viên nén				X	[2]
11	Losartan	Lipcor	50mg	Viên nén bao phim				X	[2]
12	Lisinopril + Hydrochlorothiazid	UmenoHCT 20/12.5	20mg + 12,5mg	Viên nén bao phim				X	[2]
13	Nifedipine	Nifedipine Hasan 20 retard	20mg	Viên nén bao phim tác dụng kéo dài				X	Không dùng chung với nước ép bưởi chùm [2]
14	Nifedipine	Nifehexal LA 30mg	30mg	Viên nén bao phim tác				X	Không dùng chung với nước ép bưởi chùm [2]

TT	HOẠT CHẤT	BIỆT DƯỢC	NỒNG ĐỘ-HÀM LƯỢNG	DẠNG BẢO CHẾ	THỜI ĐIỂM DÙNG THUỐC				CHÚ Ý
					Trước khi ăn	Trong khi ăn	Sau khi ăn	Không phụ thuộc bữa ăn	
				dụng kéo dài					
15	Telmisartan + Hydrochlorothiazid	Telzid 40/12.5	40mg + 12.5mg	Viên nén				X	[2]
16	Telmisartan + Amlodipin	Twynsta	40mg + 5mg	Viên nén				X	[2]
17	Perindopril + Amlodipin	Coveram	5mg + 5mg	Viên nén	X				Uống một lần vào buổi sáng trước bữa ăn [2]
18	Perindopril + Amlodipin	Viacoram 7mg/5mg	7mg + 5mg	Viên nén	X				Uống một lần vào buổi sáng trước bữa ăn [2]
THUỐC CHỐNG HUYẾT KHỐI									
19	Acetylsalicylic acid	Asiprin	81mg	Viên nén bao tan trong ruột	X				[2]
20	Clopidogrel	Dasarab	75mg	Viên nén bao phim				X	[2]
21	Clopidogrel	Plavix	75mg	Viên nén bao phim				X	[2]

TT	HOẠT CHẤT	BIỆT DƯỢC	NỒNG ĐỘ-HÀM LƯỢNG	DẠNG BÀO CHẾ	THỜI ĐIỂM DÙNG THUỐC				CHÚ Ý
					Trước khi ăn	Trong khi ăn	Sau khi ăn	Không phụ thuộc bữa ăn	
22	Aspirin + clopidogrel	Duoplavin	100mg + 75mg	Viên nén bao phim				X	[2]
23	Ticagrelor	Brilinta	90mg	Viên nén bao phim				X	[2]
24	Dabigatran	Pradaxa	110mg	Viên nang cứng				X	[2]
THUỐC HẠ LIPID MÁU									
25	Atorvastatin	Atorvastatin	20mg	Viên nén				X	[2]
26	Rosuvastatin	Rosuvastatin	20mg	Viên nén				X	[2]
27	Rosuvastatin	Rosuvastatin	10mg	Viên nén					
28	Rosuvastatin	Crestor 10mg	10mg	Viên nén bao phim				X	[2]
29	Fluvastatin	Fluvastatin 20mg	20mg	Viên nén				X	[1]
THUỐC LỢI TIỂU									
30	Furosemid	Vinzix	40mg	Viên nén				X	[1]
31	Spironolacton	Spironolacton	25mg	Viên nén bao phim		X			Nhằm giảm kích ứng dạ dày [1]

TT	HOẠT CHẤT	BIỆT DƯỢC	NỒNG ĐỘ-HÀM LƯỢNG	DẠNG BẢO CHẾ	THỜI ĐIỂM DÙNG THUỐC				CHÚ Ý
					Trước khi ăn	Trong khi ăn	Sau khi ăn	Không phụ thuộc bữa ăn	
32	Spironolacton	Entacron 25	25mg	Viên nén bao phim		X			Nhằm giảm kích ứng dạ dày [1]
THUỐC ĐƯỜNG TIÊU HÓA									
33	Magnesi hydroxyd + nhôm hydroxyd + simethicon	ATIRLIC FORTE	800mg + 800mg + 100mg	Hỗn dịch uống			X		Uống lúc đói hoặc sau khi ăn 30 phút đến 2 tiếng, tối trước khi đi ngủ hoặc khi có triệu chứng [2]
34	Magnesi hydroxyd + nhôm hydroxyd + simethicon	Dogedogel	400mg + 400mg + 400mg	Hỗn dịch uống			X		Uống lúc đói hoặc sau khi ăn 30 phút đến 2 tiếng, tối trước khi đi ngủ hoặc khi có triệu chứng [2]
35	Domperidon	Modom's	10mg	Viên nén bao phim	X				Uống trước bữa ăn 15-30 phút [2]
36	Domperidon	Domperidon	10mg	Viên nén	X				Uống trước bữa ăn 15-30 phút [2]
37	Mebeverin HCL	Opeverin	135MG	Viên nén bao phim	X				Uống trước ăn 20 phút, nuốt nguyên viên, không được nhai [2]
38	Esomeprazol	Esomeprazol	20mg	Viên nang	X				Uống trước ăn 30 phút,

TT	HOẠT CHẤT	BIỆT DƯỢC	NỒNG ĐỘ-HÀM LƯỢNG	DẠNG BẢO CHẾ	THỜI ĐIỂM DÙNG THUỐC				CHÚ Ý
					Trước khi ăn	Trong khi ăn	Sau khi ăn	Không phụ thuộc bữa ăn	
				cứng					nuốt nguyên viên, không được nhai, nghiền viên thuốc [1]
39	Esomeprazol	Stadnex	20mg	Viên nang cứng	X				Uống trước ăn 30 phút, nuốt nguyên viên, không được nhai, nghiền viên thuốc [1], [2]
40	Lansoprazol	Lansoprazol	30mg	Viên nang cứng	X				Uống trước ăn 30 phút, nuốt nguyên viên, không được nhai, nghiền viên thuốc [1], [2]
41	Omeprazol	Kagasdine	20mg	Viên nang cứng	X				Uống trước ăn 30 phút, nuốt nguyên viên, không được nhai, nghiền viên thuốc [1], [2]
THUỐC ĐIỀU TRỊ TRĨ									
42	Diosmin + Hesperidin	Daflon 1000mg	900mg + 100mg	Viên nén bao phim			X		[2]

TT	HOẠT CHẤT	BIỆT DƯỢC	NỒNG ĐỘ-HÀM LƯỢNG	DẠNG BẢO CHẾ	THỜI ĐIỂM DÙNG THUỐC				CHÚ Ý
					Trước khi ăn	Trong khi ăn	Sau khi ăn	Không phụ thuộc bữa ăn	
43	Diosmin + Hesperidin	Dacolfort	450mg + 50mg	Viên nén bao phim			X		[2]
THUỐC HẠ ĐƯỜNG HUYẾT									
44	Metformin	Panfor	500mg	Viên nén phóng thích chậm		X			[2]
45	Metformin	Métforilex MR	500mg	Viên nén tác dụng kéo dài		X			[2]
46	Metformin	Metformin Stella	1000mg	Viên nén phóng thích kéo dài		X	X		Nên uống vào bữa ăn hoặc sau bữa ăn nhằm giảm tác dụng không mong muốn trên đường tiêu hóa [2]
47	Dapagliflozin	Forxiga	10mg	Viên nén bao phim				X	[2]
48	Glimepirid + Metformin	CoMiaryl 2mg/500mg	2mg + 500mg	Viên nén bao phim	X	X			Nên uống ngay trước hoặc trong các bữa ăn [2]
49	Gliclazid	Lazibet MR 60	60mg	Viên nén phóng thích		X			Nên uống vào bữa ăn sáng.

TT	HOẠT CHẤT	BIỆT DƯỢC	NỒNG ĐỘ-HÀM LƯỢNG	DẠNG BẢO CHẾ	THỜI ĐIỂM DÙNG THUỐC				CHÚ Ý
					Trước khi ăn	Trong khi ăn	Sau khi ăn	Không phụ thuộc bữa ăn	
				kéo dài					Được uống nửa viên hoặc cả nguyên viên, không nhai hoặc làm vỡ viên thuốc [2]
50	Linagliptin + Metformin	Trajenta Duo	2,5mg + 1000mg	Viên nén bao phim		X			[2]
51	Sitagliptin + Metformin	Junamet 5mg 0/850 mg	5mg 0, 850 mg	Viên nén bao phim		X			[2]
52	Vildagliptin	Galvus	50mg	Viên nén				X	[2]
53	Vildagliptin + Metformin	Galvus met	50mg + 850mg	Viên nén bao phim		X			[2]
THUỐC ĐIỀU TRỊ UNG THƯ									
54	Capecitabine 500	Capelodine	500mg	Viên nén bao phim			X		Uống nguyên viên thuốc với nước trong vòng 30 phút sau ăn [2]

Tài liệu tham khảo

1. Bộ y tế, Dược thư Quốc gia Việt Nam (2022)
2. Tờ hướng dẫn sử dụng thuốc
3. <https://drugbank.vn/>

TM HĐT & ĐT
CHỦ TỊCH



Trần Hoán Toàn

TRƯỞNG KHOA DƯỢC

all

DS. CKII. Võ Minh Cường

BP DLS & TT

lpc

DS. Nguyễn Kiên Phương